



*V/v báo cáo kết quả chuyển khảo sát cơ sở chế
biến thủy sản tại Cà Mau-Đồng Tháp và kiến
nghị sửa đổi QCVN 11-MT:2015/BTNMT*

**Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cùng các DN thủy sản hội viên chân thành cảm ơn các Quý Bộ đã luôn hỗ trợ VASEP và các DN thủy sản trong thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, xử lý nước thải và tháo gỡ các vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi thời gian qua.

Tiếp nối kết quả cuộc họp giải quyết kiến nghị của DN thủy sản trong lĩnh vực xử lý nước thải và bảo vệ môi trường giữa Thứ trưởng Bộ TNMT Võ Tuấn Nhân, Thứ trưởng Bộ NNPTNT Vũ Văn Tám với VASEP và các DN thủy sản tại Hà Nội ngày **17/4/2018**; kế hoạch của Bộ TN-MT theo Quyết định **2064/QĐ-BTNMT** ngày 26/6/2018 ban hành kế hoạch hành động của Bộ TNMT thực hiện NQ số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ; công văn số **2610/TCMT-QLCT** ngày 22/8/2018 của Tổng cục Môi trường ngày 22/8/2018 về áp dụng QCVN về nước thải cho khu nuôi cá tra, Hiệp hội VASEP đã phối hợp với đại diện 2 Bộ TNMT và NNPTNT tổ chức thành công đợt khảo sát hệ thống xử lý nước thải cơ sở CBTS; cơ sở nuôi cá tra và tôm nuôi tại Cà Mau và Đồng Tháp từ ngày **22-27/10/2018**.

Bằng văn bản này, chúng tôi xin kính gửi tới lãnh đạo hai Bộ báo cáo kết quả chuyển khảo sát nói trên của các thành viên Đoàn khảo sát (chi tiết xin xem tại Phụ lục gắn kèm). Theo đó, Hiệp hội kính đề nghị:

1. Bộ Tài nguyên Môi trường xem xét điều chỉnh, sửa đổi QCVN 11-MT:2015/BTNMT theo các nội dung sau:
 - a) Nâng ngưỡng chỉ tiêu phospho trong Dự thảo QCVN 11:2017(thay thế QCVN 11:2015) lên mức 50 ppm để phù hợp với điều kiện thực tế của DN chế biến thủy sản Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế;
 - b) Bổ sung lộ trình áp dụng kiểm soát chỉ tiêu phospho trong nước thải CBTS sau xử lý trong QCVN từ 5-10 năm để có thời gian cho phép DN tìm kiếm công nghệ, đầu tư và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của nhà máy;
 - c) Giữ nguyên mức giới hạn kiểm soát của Amoni và Ni-tơ như trong QCVN 11:2015;
 - d) Phân ra nguồn tiếp nhận nước thải là lưu thông hay tồn đọng hay khô hạn để quy định ngưỡng của các chỉ tiêu cho phù hợp.
2. Bộ NNPTNT chủ trì phối hợp cùng VASEP xây dựng QCVN nước thải trại nuôi cá tra, nuôi tôm thâm canh trước Quý 3/2019 và gửi sang Bộ TNMT;

Bộ TNMT hỗ trợ việc thăm tra và ban hành QCVN nước thải trại nuôi cá tra, nuôi tôm thâm canh.

3. Bộ TNMT hướng dẫn & chỉ đạo các Sở TN-MT không thu phí BVMT đối với các chỉ tiêu kim loại nặng trong nước thải trại nuôi thủy sản do không phát sinh việc gia tăng các chỉ tiêu kim loại nặng trong quá trình nuôi.

Thông tin chi tiết và nhận phản hồi, xin vui lòng liên hệ: chị Hoàng Yến, tel: 024.37715055 (ext. 223), email: hoangyen@vasep.com.vn, mobil: 0947 623 129.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Noinhận:

- Nhutren;
- Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân;
- Thứ trưởng Phùng Đức Tiến;
- Tổng cục Môi trường;
- Vụ KHCN&MT-BộNNPTNT;
- Chủ tịch&các PCT Hiệp hội;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

TỔNG THỦ KÝ HIỆP HỘI



Trương Đình Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHUYỂN KHẢO SÁT MỘT SỐ DOANH NGHIỆP THỦY SẢN TẠI CÀ MAU VÀ ĐỒNG THÁP (Từ ngày 22 - 27/10/2018)

(Phụ lục kèm theo Công văn số:20/2019/CV-VASEP ngày 28 tháng 02 năm 2019)

-----***-----

A. BỐI CẢNH, MỤC ĐÍCH:

Trong bối cảnh các DN cùng chung tay với Chính phủ tham gia thực hiện chiến lược phát triển bền vững nền kinh tế trong đó vừa chú trọng đảm bảo điều kiện để phát triển kinh tế, vừa chú trọng các yếu tố bảo vệ môi trường, nhằm thực hiện:

- Các kết luận tại cuộc họp giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp thủy sản trong lĩnh vực bảo vệ môi trường giữa đại diện Bộ TNMT, Bộ NNPTNT, VASEP và các DN thủy sản tại Hà Nội ngày 17/4/2018.
- Quyết định 2064/QĐ-BTNMT ngày 26/6/2018 của Bộ TNMT ban hành Kế hoạch hành động của BTNMT thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP.
- Công văn số 2610/TCMT-QLCT ngày 22/8/2018 của Tổng cục Môi trường ngày 22/8/2018 về áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải cho khu nuôi cá tra, công văn 3381/BTNMT-TCMT ngày 27/6/2018 về trả lời kiến nghị của VASEP.

Ba bên gồm Bộ TNMT, Bộ NNPTNT và VASEP phối hợp tổ chức Đoàn khảo sát tại các DN chế biến cá tra, tôm, trại nuôi cá tra và trại nuôi tôm thâm canh trong tháng 10/2018 nhằm:

- Thêm thông tin thực tiễn để thống nhất xác định ngưỡng kiểm soát và lộ trình áp dụng của chỉ tiêu phospho, amoni, nitơ trong nước thải CBTS sau xử lý trên cơ sở khoa học và thực tiễn như VASEP đã có kiến nghị hồi đầu năm 2018 & tại cuộc họp 17/4/2018.
- Thu thập thông tin phục vụ quá trình xây dựng Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia (QCVN) về nước thải trại nuôi cá tra và tôm thâm canh.

B. THỜI GIAN: Từ ngày 22/10/2018 – 27/10/2018

C. ĐỊA ĐIỂM: Cà Mau – Đồng Tháp tại các công ty sau:

I. Tại Cà Mau (các công ty có sản phẩm chính là mặt hàng tôm)

1. Công ty CP Tập Đoàn Thủy Hải Sản Minh Phú (Minh Phu Seafood Corp)
2. Công ty TNHH Kinh doanh Chế biến Thủy sản và XNK Quốc Việt (Quoc Viet Co.,Ltd)

II. Tại Đồng Tháp (các công ty có sản phẩm chính là mặt hàng cá tra)

1. Công ty CP Vĩnh Hoàn (VINH HOAN CORP)
2. Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Đa Quốc gia (IDI CORP)

D. THÀNH PHẦN ĐOÀN CÔNG TÁC:

1. **Đại diện Bộ TNMT:** Ông Trần Thanh Liêm, Vụ Quản lý Chất thải, Tổng cục Môi trường, Bộ TNMT
2. **Đại diện Bộ NNPTNT:** Ông Nguyễn Tiến Long, Vụ KHCNMT – Bộ NNPTNT
3. **Đại diện VASEP:**
 - Bà Trần Hoàng Yến, PGĐ Trung tâm Đào tạo và XTTM VASEP (VASEP.PRO)

- Bà Nguyễn Thu Trang, chuyên viên Trung tâm VASEP.PRO;
- ThS. Nguyễn Văn Hòa, chuyên gia về nước thải NM chế biến thủy sản của VASEP, chuyên gia nghiên cứu tại Đại học Khoa học Tự nhiên tp Hồ Chí Minh.

E. NỘI DUNG KHẢO SÁT:

- Trao đổi với DN về thông tin liên quan đến hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy chế biến thủy sản và trại nuôi cá tra, tôm thâm canh, các thuận lợi khó khăn trong việc thực hiện các quy định về BVMT (QCVN, ĐTM, công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường...) của DN, kiến nghị của DN về việc xây dựng, ban hành QCVN riêng cho nước thải từ nuôi trồng thủy sản.
- Tập hợp số liệu, kết quả quan trắc nước thải của nhà máy chế biến và số liệu bùn thải ao nuôi tôm, cá tra trong 2 năm qua của cơ sở.
- Lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải từ hoạt động thực tế của cơ sở theo bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Ghi chú
I	Kiểm tra các chỉ tiêu trong mẫu nước thải NM CB và trại nuôi	Tối thiểu 1 mẫu nước đầu vào và 1 mẫu nước đầu ra/mỗi Hệ thống Xử lý nước thải
1	Phospho tổng	
2	Amoni	
3	Nitơ	
II	Kiểm tra các chỉ tiêu trong mẫu nước thải trại nuôi thủy sản:	Tối thiểu 1 mẫu nước đầu vào và 1 mẫu nước đầu ra/mỗi trại nuôi
1	pH	
2	BOD ₅	
3	COD	
4	Tổng chất rắn lơ lửng	
5	Tổng Nitơ (theo N)	
6	Tổng Coliform	

F. KẾT QUẢ KHẢO SÁT:

I. Công ty CP Tập đoàn Minh Phú (Cà Mau)

1. Ý kiến của Đại diện Công ty:

- Đại diện Công ty giới thiệu chung về hệ thống xử lý nước thải của Công ty và các bất cập đang gặp phải trong việc đáp ứng QCVN 11 – MT : 2015 / BTNMT (QCVN 11 : 2015):

❖ Đối với nhà máy chế biến:

- Minh Phú là một trong các DN thủy sản có Báo cáo giám sát môi trường gửi đều đặn về Bộ TNMT và đã được Bộ đánh giá cao công tác BVMT của Minh Phú.

- Các kết quả về nước thải của Minh Phú trước 2015 đều đạt quy định của QCVN 11:2008/BTNMT. Năm 2013, Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống nước thải mới với quy trình xử lý nước thải kết hợp giữa xử lý hóa lý và xử lý vi sinh. Nhưng đến năm 2015 thì QCVN 11:2015 được sửa đổi, có thêm chỉ tiêu Phospho. Hiện nay với hệ thống xử lý nước thải này của công ty, tất cả các chỉ tiêu đều đạt mức A, riêng chỉ tiêu Nitơ đạt mức B (theo Đánh giá tác động môi trường/giấy phép xả thải/giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thì đầu ra nước thải của Công ty chỉ cần đạt mức B), chỉ riêng chỉ tiêu Phospho đang không đạt và cao hơn quy định rất nhiều.
- Đặc trưng của hàng thủy sản khi xuất qua thị trường Mỹ (hiện đang chiếm tới trên 40% thị phần của Công ty), khách hàng yêu cầu sản phẩm phải được ngâm Phosphate. Đây là một phụ gia thực phẩm được phép sử dụng của Bộ Y tế. Tại đầu ngâm xử lý phosphate nước thải ra đã có chứa phospho tới 8.000mg/l. Tại trạm bơm phospho khoảng trên 100mg/l khi qua hệ thống xử lý đầu ra khoảng 60mg/l. Có thời điểm phospho đạt ngưỡng quy định của QCVN 11:2015 do sản lượng sản xuất ít, nhưng khi lượng sản xuất nhiều thì phospho không đạt, mà đa phần thời gian là không đạt.
- Khi có QCVN 11:2015, Công ty đã liên hệ với các nhà thầu ECO và các đơn vị tư vấn khác. Tuy nhiên, với các công nghệ xử lý do các công ty ECO giới thiệu thì đều chưa hiệu quả:
 - Các công nghệ xử lý vi sinh không đáp ứng được do nó chỉ làm giảm được mức phosphor 15-20 mg/l nên phải chuyển sang phương án xử lý hóa lý. Nhưng Công ty chưa tìm được đơn vị nào có công nghệ để giảm sâu ở mức xuống 20mg/l với giá thành chấp nhận được. DN cũng đã nghiên cứu 1 số loại vi sinh nhập khẩu từ nước ngoài để chuyên xử lý Phospho nhưng theo dõi thì cũng không giảm được nhiều. Phương pháp vi sinh DN áp dụng và thử theo dõi trong 3 tháng sử dụng. Đơn vị xử lý vi sinh Elcolia (Mỹ) đã cam kết trong 3 tháng đáp ứng ngưỡng quy định của Phospho trong QCVN 11 nhưng cũng không đạt, trong khi đó chi phí lại đắt (1 kg vi sinh giá là 1,5 triệu đồng và Minh Phú đã phải chi 5 tỷ đồng để mua các giá thể vi sinh này). Lúc vận hành nuôi cấy ban đầu cho hệ thống cần 5kg nhưng khi vận hành thực tế cần bổ sung thêm 2kg và phải theo dõi để châm vi sinh đúng liều lượng => tính ra thì không hiệu quả.
 - Có nhà thầu ECO đã giới thiệu hệ thống xử lý hóa lý để tại đầu ra keo tụ. Nhưng khi keo tụ thì lượng bùn sinh ra quá nhiều. Trong khi đó giá thành xử lý theo công nghệ này quá cao (1m³ là 30.000đ.), khi tính chung vào toàn hệ thống thì chi phí quá cao (tới 20.000đ/m³ nước thải) dẫn tới làm tăng giá thành của sản phẩm cao khiến khách hàng không chấp nhận (do không cạnh tranh được với hàng của các công ty khác) và bùn không xử lý được do tỉnh Cà Mau không có đơn vị thu gom xử lý chất thải bùn nguy hại. Hơn nữa, công nghệ này cũng chưa được thử nghiệm thực tế nên không biết hiệu quả thật sự có làm giảm sâu được mức Phospho tới ngưỡng của QCVN không. Do vậy, công ty không chấp nhận áp dụng công nghệ này.
- Được biết, thông số phospho ảnh hưởng đến môi trường là làm cho môi trường phú dưỡng, làm tảo mọc nhiều, nhiều đến mức làm giảm và cạn kiệt oxy trong nước,

làm các phiêu sinh động vật chết, cá chết,.. làm mất cân bằng cho chu trình sinh thái diễn ra trong tự nhiên. Tuy nhiên, hiện tượng này ở nước ta chỉ thấy ở khu vực ao hồ nước đọng, còn ở các dòng nước chảy, suối, sông, chưa từng quan sát thấy. Mặt khác định nghĩa mức phospho bao nhiêu gây ra phú dưỡng hóa cũng còn nhiều bất cập. Trong khi đó Phospho là nguyên tố hóa học rất cần sự sống, là nguyên tố không thể thiếu trong chu trình sinh thái trong tự nhiên, việc tồn tại bao nhiêu phosphor trong tự nhiên làm tổn hại đến môi trường cũng chưa được chứng minh, và việc buộc các doanh nghiệp xử lý phosphor đạt QCVN 11:2015 là rất khó khăn, thật sự doanh nghiệp bế tắc trong việc xử lý phosphor đạt QCVN 11:2015, đặc biệt là doanh nghiệp chế biến xuất khẩu tôm.

- Song song đó, rất nhiều nước xung quanh chúng ta vẫn chưa đưa chỉ tiêu phospho vào quy chuẩn xả thải thủy sản hoặc nếu có đưa thì cũng cao hơn mức cho phép của công nghiệp chế biến thủy sản của Việt Nam như: Malaysia, Indonesia, Ấn độ, Thái Lan;... Chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam cũng đang chịu cạnh tranh với các nước trong khu vực, cạnh tranh về giá chế biến, cạnh các giấy chứng nhận chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng (ASC, BAP, GLOBAL G.A.P, ...). Với mức cho phép của thông số phospho hiện nay, hầu hết (có thể nói 100%) các doanh nghiệp sản xuất và chế biến tôm đều vi phạm. Việc vi phạm này đang làm giảm uy tín của các doanh nghiệp trong nước, làm giảm sức cạnh tranh của ngành chế biến tôm Việt Nam nói riêng và ngành thủy sản Việt Nam nói chung.

❖ *Đối với trại nuôi được khảo sát:*

- Trại nuôi không phải của công ty mà là trại nuôi liên kết với Công ty
- Công nghệ nuôi tôm theo nguyên tắc tuần hoàn nước và sử dụng hệ sinh thái ngập nước để thanh lọc nước. Trại nuôi xả thải rất ít, đa phần chỉ lấy nước vào để bổ sung nước nuôi bị bay hơi. Do vậy, trại nuôi không gặp vấn đề gì về bảo vệ môi trường.

b. *Các kiến nghị của Công ty:*

- Với QCVN mới sửa đề nghị giữ nguyên mức của chỉ tiêu Nitơ, Amoni, bô Phospho vì khó áp dụng được và không thể đưa ra được con số cụ thể. Hoặc nếu Bộ áp dụng Phospho thì theo quy chuẩn đạt về công nghệ xử lý và phải có lộ trình 5-10 năm, có thời gian cho phép DN tiếp cận và đầu tư thay đổi hệ thống xử lý nước thải của DN.
- Các QCVN của Việt Nam nên tham khảo các quy định của các nước trong khu vực có cùng điều kiện và nền kinh tế như mình để tăng tính cạnh tranh, áp dụng tiêu chuẩn đồng bộ, để giúp đảm bảo tính cạnh tranh của DN Việt Nam.
- Đề nghị Bộ TNMT giới thiệu cho Công ty các công nghệ xử lý nước thải hiệu quả để giảm được lượng Phospho từ mức trên 100 mg/l xuống ngưỡng 20 mg/l được quy định trong QCVN 11:2015 vì hiện DN đã tìm kiếm và thử nghiệm một số công nghệ rồi nhưng vẫn không tìm được công nghệ nào đạt yêu cầu. Bộ TNMT cũng cần có chính sách hỗ trợ DN chứ để DN tự bơi, tự đầu tư như hiện nay thì không hợp lý và không hiệu quả.

2. Ý kiến của các thành viên Đoàn khảo sát:

- Phospho khó xử lý vì là nguyên tố khoáng và chỉ lấy ra được dưới dạng ion => chỉ lấy dạng nguyên tố chứ không chuyển hóa được và không keo tụ được.
- Thời điểm xây dựng QCVN 11:2015 đưa chỉ tiêu Phospho vào với mức 20 mg/l là do Ban soạn thảo đã tham khảo tiêu chuẩn của Nhật là ngưỡng 16 ppm cho nước thải chế biến thủy sản. Nhưng thực tế là các DN Nhật Bản không sản xuất hàng sơ chế như Việt Nam mà chủ yếu là sản xuất hàng giá trị gia tăng dạng ăn liền và làm sẵn (R-T-E và R-T-C) nên ít cần sử dụng nhiều phụ gia Phosphat. Việt Nam hiện đang XK chủ yếu là hàng thủy sản dạng sơ chế nên ngưỡng quy định của Phospho phải đạt 20 mg/l đối với DN Việt Nam là quá khó.
- Về QCVN 11 sửa đổi, nên phân ra nguồn tiếp nhận nước thải là lưu thông hay tồn đọng hay khô hạn để quy định ngưỡng của các chỉ tiêu cho phù hợp. Bộ TNMT cũng cần có các nghiên cứu trong trường hợp để gây ra phú dưỡng thì không biết bao nhiêu Phospho thì gây phú dưỡng. Nó phải còn do ao, bèo, thời tiết, khí hậu để xác định được mức độ phú dưỡng.

II. Công ty TNHH KD Chế biến Thủy sản và XNK Quốc Việt (Cà Mau):

1. Ý kiến của Đại diện Công ty:

a. Đại diện Công ty giới thiệu chung về hệ thống xử lý nước thải của Công ty và các bất cập đang gặp phải trong việc đáp ứng QCVN 11:2015:

❖ Đối với nhà máy chế biến

- Theo quy định, nước thải của Công ty phải đạt ngưỡng quy định của QCVN 11:2015 cột B. Cao điểm cả 2 nhà máy thực tế hiện nay xả thải 1.200 – 1.300 m³/ngày
- Trước năm 2015, các chỉ tiêu phân tích nước thải của Quốc Việt đều đạt QCVN 11:2008. Từ năm 2015 tới nay, các chỉ tiêu nước thải của Quốc Việt đều đạt quy định của QCVN 11:2015, riêng chỉ tiêu Phospho không đạt. Vào năm 2016, kết quả kiểm mẫu cho thấy chỉ tiêu Phospho ở đầu vào của hệ thống xử lý nước thải của Công ty là 200ppm, đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của Công ty là 143ppm. Hai chỉ tiêu Nitơ và Amoni tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của Công ty đều thấp hơn ngưỡng quy định của QCVN 11:2015 và kiểm soát được.
- Năm 2016, Sở Tài nguyên Môi trường tới lấy mẫu kiểm tra thì kết quả lần 1 vượt gấp 6 lần ngưỡng cho phép của QCVN 11:2015, lần 2 gấp trên 8 lần ngưỡng cho phép của QCVN 11:2015.
- Công ty phải đáp ứng yêu cầu của khách hàng nước ngoài. Nhiều khách hàng, nhất là khách hàng ở Mỹ và EU, đều yêu cầu ngâm phụ gia phosphate để làm cho con tôm cơ thịt giòn hơn, hình thức căng bóng đẹp mắt hơn. Do vậy, hàm lượng phospho trong nước xả thải của công ty rất cao, nhất là vào thời điểm từ giữa giờ sáng cho đến hết ngày làm việc (là thời gian bắt đầu vận hành tại công đoạn quay tống).
- Các phụ gia phosphate mà Quốc Việt sử dụng đều nằm trong danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng của Bộ Y tế và được kiểm soát hàm lượng sử dụng theo hệ thống quản lý ATTP theo HACCP của Công ty.
- Công ty tư vấn xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước đây cho Quốc Việt đã giải thể. Quốc Việt đã làm việc với 3 công ty tư vấn khác nhưng chưa có công ty nào có công nghệ xử lý hiệu quả để giảm sâu được hàm lượng phospho từ 100 – 200 mg/l

xuống 20 mg/l như quy định trong QCVN 11: 2015. Các công ty tư vấn này đều khuyến cáo Quốc Việt sử dụng công nghệ xử lý hóa lý nhưng theo họ, công nghệ này chỉ giảm hàm lượng Phospho được tầm 40 mg/l chứ không giảm được nhiều.

❖ *Đối với trại nuôi được khảo sát:*

- Trại nuôi của Công ty có hệ thống lắng để xử lý nước và xả thải tương đối ít. Đến nay trại nuôi chưa bị xử phạt gì về vấn đề bảo vệ môi trường

b. Các kiến nghị của Công ty:

- Với QCVN mới sửa đề nghị giữ nguyên mức của chỉ tiêu Nitơ, Amoni, riêng chỉ tiêu Phospho thì nâng giá trị ngưỡng cho phép lên tới mức khả thi để DN có thể áp dụng được trong điều kiện công nghệ xử lý nước thải hiện có tại Việt Nam và phải có lộ trình áp dụng 5-10 năm (lộ trình áp dụng các tiêu chuẩn bắt buộc của Nhật Bản cũng là 5 năm).
- Đề nghị Bộ TNMT giới thiệu cho Công ty các công nghệ xử lý nước thải hiệu quả để giảm được lượng Phospho từ mức gần 200 mg/l trong nước thải đầu vào xuống ngưỡng yêu cầu của quy định trong văn bản pháp quy vì hiện DN đã tìm mấy năm nhưng đến nay vẫn chưa tìm được công nghệ nào đạt yêu cầu.

2. Ý kiến của các thành viên Đoàn khảo sát:

- Về sửa đổi QCVN 11:2015 cho nước thải chế biến thủy sản, thủ tục xây dựng và ban hành khá mất nhiều thời gian nên QCVN 11:2015 chắc chắn sẽ vẫn còn áp dụng cho tới năm 2019.
- Khi Bộ TNMT lấy ý kiến góp ý cho dự thảo của QCVN 11:2015 thì hầu hết các DN thủy sản chưa ai đo kiểm chỉ tiêu Phospho nên không DN nào biết ngưỡng của chỉ tiêu đó trong dự thảo có phù hợp hay không nên không góp ý, đến khi phải áp dụng mới gặp vướng mắc.

III. Công ty CP Vĩnh Hoàn (Đồng Tháp)

1. Ý kiến của Đại diện Công ty:

a. Đại diện Công ty giới thiệu chung về hệ thống xử lý nước thải của Công ty và các bất cập đang gặp phải trong việc đáp ứng QCVN 11:2015:

❖ *Đối với nhà máy chế biến:*

- Công ty Vĩnh Hoàn mới nâng cấp hệ thống xử lý nước thải năm 2017 với chi phí cao nhất trong các DN chế biến thủy sản tại tỉnh Đồng Tháp nên hiệu quả khá tốt. Hệ thống xử lý nước thải công suất tới 2.900m³ xử lý ngày đêm. Phí xử lý nước thải của công ty khá cao: phí xử lý bùn thải từ 10.000 - 11.000đ/m³, chi phí xử lý nước thải khoảng 5.000-6.000đ/m³. Bùn thải ra sau khi phân tích đã xác định được là không phải bùn độc hại.
- Chỉ tiêu Phospho của nước thải đầu ra có lúc dưới ngưỡng cho phép của QCVN 11:2015, có lúc vượt ngưỡng nhưng đa phần là dưới ngưỡng cho phép. Trong các thời điểm sản xuất cao điểm thì Phospho có thể sẽ cao chứ không phải trong mọi thời điểm.

❖ *Đối với trại nuôi được khảo sát:*

- Trại nuôi của Công ty đã được xây dựng từ năm 2008, hiện có 12 ao nuôi, đã có chứng chỉ ASC và có báo cáo ĐTM được phê duyệt.

- Công ty không gặp vướng mắc về các chỉ tiêu môi trường đối với nước thải chế biến, chỉ có vướng mắc đối với các chỉ tiêu trong nước xả thải của trại nuôi, đặc biệt là chỉ tiêu TSS và coliform. Đây là hai chỉ tiêu bị vượt ngưỡng chủ yếu là do môi trường bên ngoài vào chứ không phải do quá trình nuôi:
 - *Đối với chỉ tiêu TSS:* có thời điểm TSS thấp và có thời điểm cao nhưng phần nhiều là do độ đục của sông Mekong lớn. TSS lớn không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi cá tra nhưng TSS cao vào mùa lũ nên ao lắng xử lý nước thải của trại nuôi không xử lý được. Bản thân TSS của sông Mekong cũng dao động khá lớn: TSS có thể lên tới 593mg/l (vào mùa lũ), nhưng có lúc chỉ có 2mg/l.
 - *Đối với chỉ tiêu coliform:* Hệ thống ao lắng hở nên vào mùa mưa nước cuốn các rác bẩn từ trên bờ xuống ao nên Công ty đề xuất quy định mức 5.000 CFU/ml trở lên thì hợp lý hơn. Chỉ số coliform cũng không ảnh hưởng đến cá tra mà cá tra bị ảnh hưởng từ các yếu tố khác.

b. Các kiến nghị của Công ty:

- Đề nghị Bộ TNMT sớm ban hành quy chuẩn mới về nước thải trại nuôi thủy sản để phù hợp hơn với thực tiễn nuôi trồng thủy sản và tạo điều kiện phát triển cho các trại nuôi thủy sản ở Việt Nam
- Đề nghị các ngưỡng của các chỉ tiêu trong QCVN mới cho nước thải nuôi thủy sản cũng nên dựa theo:
 - Các chỉ tiêu của QCVN 62
 - Kết quả giám sát nước sông Mekong của Ủy ban sông Mekong và Tổng cục Thủy sản
 - Do đặc thù của dòng sông Mekong, đề nghị Bộ Tài nguyên xem xét đề thay đổi ngưỡng theo mùa (do cá tra hiện chủ yếu chỉ nuôi trên sông Mekong)
- Nước xả thải của trại nuôi cá tra khoảng 5.000 – 10.000m³/ngày nên khi tính phí BVMT thì phí sẽ rất lớn. Trại nuôi có 4 đầu xả thải, do đó ngoài phí BVMT, phí kiểm nghiệm cũng rất lớn. Vì Sở TNMT lấy mẫu, tính phí, xử phạt đối với các trại nuôi (DN phải trả tiền kiểm mẫu), trong khi nuôi lồng bè lại không bị tính phí BVMT. Điều này không công bằng đối với các cơ sở nuôi ao, đầm thâm canh, không tạo được sự khuyến khích các cơ sở nuôi đầm quy mô công nghiệp để đảm bảo chất lượng cá tra hơn cá tra của người dân nuôi bè. Nhà nước cần quy định cách tính lượng xả thải hợp lý vì nếu như hiện tại thì không công bằng đối với cơ sở nuôi ao so với nuôi lồng bè.
- Đối với mục phí BVMT: kiến nghị Bộ TNMT nên có hướng dẫn các Sở TNMT không thu phí BVMT đối với các chỉ tiêu kim loại nặng do không phát sinh việc gia tăng các chỉ tiêu kim loại nặng trong quá trình nuôi mà các chỉ tiêu này đều có sẵn từ nước đầu vào của trại nuôi. Do đó, đề nghị bỏ thu phí BVMT từ 4 chỉ tiêu kim loại nặng đối với nước thải của trại nuôi thủy sản.

2. Ý kiến của các thành viên Đoàn khảo sát:

- Phospho sinh ra trong nước thải tại Nhà máy hóa chất là độc nên mức phải thấp. Phospho trong chế biến thực phẩm là từ phụ gia thực phẩm thì không độc cho con người và động vật.
- Nước thải trại nuôi cá tra vướng chỉ tiêu TSS, coliform (không đạt coliform, không đạt TSS) thì trại nuôi phải có thêm hệ thống lắng (đối với TSS), phải có thêm hệ thống xử lý clo (đối với coliform).

- Nếu có xây dựng QCVN mới cho trại nuôi thì quy định ngưỡng giá trị cột A đều cao khó thay đổi được tức là cũng phải xấp xỉ QCVN 40 : 2011 (nước thải trại nuôi của Vĩnh Hoàn xả ra sông Mekong phải đạt cột A). QCVN mới chỉ có thể thay đổi về các thông số, chỉ tiêu giá trị ngưỡng cột B. Bảng tính hệ số Kq, Kf khi xả thải càng nhiều thì càng khít chặt lại ở mức chặt hơn. Tỉnh Đồng Tháp đã có ban hành hệ số Kq, Kf tại các nhánh sông trong tỉnh.
- Việc chọn áp dụng cột A hay B trong các QCVN về nước xả thải thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Bộ TNMT chỉ có thể khuyến nghị các địa phương áp dụng
- Hiện tại trong các quy chuẩn, hệ số Kq đều đang tính tại thời điểm khô kiệt nhất, chứ tính vào mùa mưa lũ thì cũng không được. Với nguồn tiếp nhận là sông Mekong, các DN nên kiến nghị xem xét được tính hệ số theo mùa khô, mùa kiệt, mùa lũ,...

IV. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc gia - IDI (Đồng Tháp)

1. Ý kiến của Đại diện Công ty

a. Đại diện Công ty giới thiệu chung về hệ thống xử lý nước thải của Công ty và các bất cập đang gặp phải trong việc đáp ứng QCVN 11:2015:

❖ Đối với nhà máy chế biến:

- Nước thải của nhà máy đang phải áp dụng theo QCN 11:2015 cột A nên DN rất khó để đạt được do ngưỡng cho phép của chỉ tiêu Phospho quá thấp. Phospho trong nước lấy lên đã xấp xỉ ngưỡng cho phép, mà QCVN 11 quy định chỉ tiêu thấp quá thì không thể đáp ứng được. Công ty đã từng bị Sở TNMT xử phạt trên 280 triệu do các chỉ tiêu trên hệ thống xử lý nước thải vượt ngưỡng.
- Năm 2016, đoàn thanh tra của Bộ TNMT và Bộ NNPTNT có đến kiểm tra, Phospho vượt ngưỡng nhưng khuyến cáo không dưới 10% và chỉ bị cảnh báo, không bị xử phạt. Hàm lượng phospho trong nước thải sau khu vực xử lý hóa lý có giảm so với nước thải trước khu vực xử lý hóa lý nhưng không đáng kể.
- Trường hợp 2 chỉ tiêu Nitơ và Amoni bị vượt ngưỡng tại thời điểm Sở TNMT thanh tra trước đây là do lúc đó nhà máy đang sửa chữa, nâng cấp hệ thống, tuy nhiên hiện nay 2 chỉ tiêu trên đều đã đạt.

❖ Đối với trại nuôi được khảo sát:

- Nước thải trại nuôi đang phải áp dụng theo QCVN 40 : 2011 cột A. Các chỉ tiêu phải kiểm tra quá nhiều khiến DN sẽ phải mất một khoản chi phí lớn cho kiểm nghiệm mẫu nước thải.
- Trại nuôi nằm chung trong khu vực nuôi với một số trại nuôi của dân. Trại chưa bị xử phạt về môi trường và cũng chưa có vướng mắc gì về các chỉ tiêu môi trường trong nước thải. Nước thải đầu ra của trại nuôi theo kết quả DN kiểm tra thì thấy chất lượng còn tốt hơn nước thải đầu vào của trại lấy từ sông.

b. Các kiến nghị của Công ty:

- Đề nghị khi xem xét sửa đổi QCVN 11, Ban Soạn thảo nên lưu ý đến đặc thù của ngành thủy sản: có sự khác biệt giữa nước thải của ngành chế biến tôm và ngành chế biến cá tra:
 - Chỉ tiêu Phospho: hàm lượng phospho trong nước thải của ngành chế biến tôm nhiều hơn nước thải của ngành chế biến cá tra do ngành chế biến tôm phải sử dụng nhiều phosphat hơn để tạo được hình thức đẹp, kết cấu chắc giòn cho sản phẩm, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng.

- Chỉ tiêu Nitơ, Amoni: trong nước thải của ngành chế biến cá tra cao hơn trong nước thải của ngành chế biến tôm khá nhiều do 2 thành phần này nằm nhiều trong máu cá. DN đã test mẫu máu cá và kết quả cho thấy các chỉ tiêu này trong máu cá đều trên 400 mg/l.
- Đề nghị tăng ngưỡng cho phép của chỉ tiêu Phospho trong QCVN 11:2015 sửa đổi và giữ nguyên các ngưỡng đối với chỉ tiêu Nitơ, Amoni. Với ngưỡng Phospho hiện nay, trong thời gian sản xuất cao điểm, nước thải của DN có thể không đạt. Nếu DN bị phạt sẽ ảnh hưởng đến uy tín DN, không đạt được các chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế mà khách hàng yêu cầu nên không bán được bán hàng. Mong rằng sẽ có tiếng nói chung từ phía ngành thủy sản và các cơ quan Quản lý Nhà nước để cùng tháo gỡ khó khăn cho DN, giúp DN giữ được khách hàng và tăng năng lực cạnh tranh.
- Tại vùng nuôi cá tra theo kết quả quan trắc nước sông đầu vào của DN, một số thông số của nước đầu vào (nước sông) còn lớn hơn cả QCVN 40:2011 (Kết quả kiểm tại Công ty 3K). Vì vậy đề nghị tại QCVN mới cho nước thải trại nuôi thủy sản, nên đưa quy định chi tiết theo mùa vì nước vào mùa khô, mùa nước nổi sẽ khác nhau, thường vào mùa nước nổi các thông số trong nước sông đều cao.

2. Ý kiến của các thành viên Đoàn khảo sát:

- Về ý kiến chỉ tiêu kiểm tra nước thải trại nuôi cá tra quá nhiều: Trại nuôi cá tra hiện nay phải áp dụng theo QCVN 40:2011. Trong QCVN 40:2011, mục số 4 quy định rằng với trại nuôi chỉ phải lựa chọn một số thông số để kiểm soát thôi chứ không phải kiểm soát toàn bộ 33 thông số. Việc đưa ra thông số nào không phải do Bộ TNMT quy định mà là do Sở TNMT của các tỉnh quyết định tùy thuộc tính chất nước thải và nguồn tiếp nhận.
- Các DN và Hiệp hội có thể đề nghị với Bộ TNMT do đặc thù ngành nuôi cá tra trên sông Mekong khác với các ngành khác nên xem xét các chỉ tiêu áp dụng và có cơ chế đặc thù riêng.
- Với việc sửa đổi QCVN 11, yêu cầu bỏ chỉ tiêu Phospho thì khó và không khả thi. Các DN và Hiệp hội có thể đề xuất chọn chỉ tiêu Phospho ở ngưỡng dễ chấp nhận hơn. Với ngưỡng quy định của chỉ tiêu Amoni và Nitơ đã đạt ở mức xấp xỉ ngưỡng quy định của QCVN 11 : 2015 rồi thì có thể đề nghị giữ nguyên ngưỡng chỉ tiêu trong QCVN 11 sửa đổi.

G. KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM MẪU NƯỚC THẢI CỦA NHÀ MÁY CHẾ BIẾN VÀ TRẠI NUÔI ĐƯỢC LẤY TRONG QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT

I. Mẫu nước thải sau xử lý nhà máy chế biến thủy sản:

Stt	Chỉ tiêu	Công ty	Kết quả phân tích (mg/l)				QCVN 11-MT:2015/BTNMT	
			Mẫu TX1	Mẫu SX1	Mẫu TX2	Mẫu SX2	Cột A	Cột B
I	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN TÔM							
1	Phospho	Cty A	100,12	45,87				
		Cty B	73,1	44,03	80,92	36,78		
2	Nitơ	Cty A	535	21				
		Cty B	241	35	274	42		
3	Amoni	Cty A	36	2,45				
		Cty B	30,75	0,4	24	0,31		
II	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CÁ TRA							
1	Phospho	Cty C						
		Cty D	73,5	21,9				
2	Nitơ	Cty C						
		Cty D	323,3	31,1				
3	Amoni	Cty C						
		Cty D	39,1	1,26				

Ghi chú:

- Mẫu TX: Mẫu nước thải lấy tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy chế biến
- Mẫu SX: Mẫu nước thải lấy tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy chế biến+

II. Mẫu nước thải trại nuôi thủy sản:

Stt	Chỉ tiêu	Công ty	Kết quả phân tích			
			Mẫu TX	Mẫu SX	Mẫu NS	Mẫu KA
I	TRẠI NUÔI TÔM					
1	pH	Công ty A	5,76	6,02		
		Công ty B	7,27	7,25		7,06
2	BOD ₅ (mg/l)	Công ty A	356	49		
		Công ty B	55	29		23
3	COD (mg/l)	Công ty A	540	105		
		Công ty B	96	63		48
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/l)	Công ty A	402	40		
		Công ty B	181	52		49
5	Tổng Nito _r (theo N) (mg/l)	Công ty A	214	33		
		Công ty B	45	39		37
6	Tổng Coliform (MPN/100 ml)	Công ty A	0,9 x 10 ⁵	2,3 x 10 ³		

Stt	Chỉ tiêu	Công ty	Kết quả phân tích			
			Mẫu TX	Mẫu SX	Mẫu NS	Mẫu KA
		Công ty B	4,5x 10 ³	7,5 x 10 ³		1,5 x 10 ³
II	TRẠI NUÔI CÁ TRA					
1	pH	Công ty C	7,73	7,67	7,68	
		Công ty D	6,68	7,00	6,6	6,9
2	BOD ₅ (mg/l)	Công ty C	22	25	16	
		Công ty D	24	15	12	13
3	COD (mg/l)	Công ty C	30	37	22	
		Công ty D	37	23	18	20
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (mg/l)	Công ty C	94	82	44	
		Công ty D	61	57	54	53
5	Tổng Nitơ (theo N) (mg/l)	Công ty C	2,13 (RDL = 2,15)	2,07 (RDL = 2,15)	1,96 (RDL = 2,15)	
		Công ty D	7,22	5,39	KPH	6,72
6	Tổng Coliform	Công ty C	2,4 x 10 ³ (Vi khuẩn/ 100 ml)	2,4 x 10 ³ (Vi khuẩn/ 100 ml)	930 (MPN/ 100 ml)	
		Công ty D	1,5 x 10 ³ (MPN/ 100 ml)	4,3 x 10 ³ (MPN/ 100 ml)	2,3 x 10 ³ (MPN/ 100 ml)	2,1 x 10 ³ (MPN/ 100 ml)

Ghi chú:

- Mẫu TX: Mẫu nước thải lấy tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải của trại nuôi thủy sản
- Mẫu SX: Mẫu nước thải lấy tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của trại nuôi thủy sản
- Mẫu NS: Mẫu nước sông trước khi lấy vào trại nuôi
- Mẫu KA: Mẫu đầu vào kênh thải/ao lắng

----- oOo -----